

TOÁN(TĂNG)

*Luyện tập làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm. Biết làm tròn được các số đến hàng chục, hàng trăm (BT1, 2)
- Vận dụng được cách làm tròn số và nêu được tình huống vận dụng trong một số trường hợp đơn giản (BT3).

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Cho lớp chơi trò chơi “ Tiếp sức” trong thời gian 1 phút hãy viết được nhiều nhất số có hai (hoặc ba) chữ số khác 0 -GV cho 1 HS nêu cách làm tròn số đến hàng chục? hàng trăm? =>GV chốt: Khi làm tròn các số đến hàng chục(hay hàng trăm) ta quy ước số làm tròn gần với số tròn chục(tròn trăm) nào hơn thì ta được số đó. - GV nhận xét, giới thiệu bài 2. Luyện tập.	-3 nhóm đại diện, 3HS lên bảng viết -> HS đọc số vừa viết -HS nêu. VD: + Làm tròn số 12 đến hàng chục được 10 -HS lắng nghe

Bài 1:Thực hiện yêu cầu sau -GV nêu nhiệm vụ: Hãy làm tròn các số vừa nêu đến hàng chục. -GV có thể cho HS lấy thêm VD tương tự (Tiếp tục thực hành làm tròn số đến hàng chục) =><i>Chốt:</i> Khi làm tròn các số đến hàng chục ta quy ước số làm tròn gần với số tròn chục nào hơn thì ta được số đó. Bài 2:Thực hiện yêu cầu sau Hãy làm tròn các số vừa nêu đến hàng trăm chục. -GV có thể cho HS lấy thêm VD tương tự (Tiếp tục thực hành làm tròn số đến hàng trăm) =><i>Chốt:</i> Khi làm tròn các số đến hàng trăm ta quy ước số làm tròn gần với số tròn trăm nào hơn thì ta được số đó. Bài 3: Thực hiện yêu cầu sau a, Làm tròn số 234; 356 đến hàng chục b, Làm tròn số 234; 356 đến hàng trăm =><i>Chốt:</i> Khi làm tròn các số đến hàng chục(hay hàng trăm) ta quy ước số làm tròn gần với số tròn chục(hay tròn trăm)	-HS làm việc nhóm bàn->HS đại diện lên bảng + nhóm khác nhận xét bổ sung. VD: a, + Làm tròn số 25 đến hàng chục được 30 + Làm tròn số 55 đến hàng chục được 60 +Làm tròn số 125 đến hàng chục được 130 + Làm tròn số -HS làm việc nhóm chia sẻ ví dụ: 84=>..... 96=>..... -HS làm việc nhóm bàn->HS đại diện lên bảng + nhóm khác nhận xét bổ sung. + Làm tròn số 125 đến hàng trăm được 100 + Làm tròn số -HS làm việc nhóm 4 chia sẻ ví dụ: 912=>..... 674=>..... -HS lắng nghe -HS nêu yêu cầu->HS làm việc cá nhân -HS làm vở -2 HS lên bảng, nhận xét chữa bài. -HS lắng nghe.
---	--

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn. Biết làm tròn được các số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn (BT1, 2)
- Vận dụng được cách làm tròn số và nêu được tình huống vận dụng trong một số trường hợp đơn giản (BT3).

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Cho lớp chơi trò chơi “ Tiếp sức” trong thời gian 1 phút hãy viết được nhiều nhất số có bốn (hoặc năm)chữ số. -GV cho 1 HS nêu cách làm tròn số đến hàng nghìn? hàng chục nghìn? =>GV chốt: Khi làm tròn các số đến hàng nghìn(hay hàng chục nghìn) ta quy ước số làm tròn gần với số tròn nghìn (chục nghìn) nào hơn thì ta được số đó. - GV nhận xét, giới thiệu bài	-3 nhóm đại diện, 3HS lên bảng viết -> HS đọc số vừa viết -HS nêu -HS lắng nghe
2. Luyện tập. Bài 1:Thực hiện yêu cầu sau -GV nêu nhiệm vụ: ->Hãy làm tròn các số vừa nêu đến hàng nghìn.	-HS làm việc nhóm bàn->HS đại diện lên bảng + nhóm khác nhận xét bổ sung. VD: + Làm tròn số 2500 đến hàng nghìn được

-GV có thể cho HS lấy thêm VD tương tự(Tiếp tục thực hành làm tròn số đến hàng nghìn) =><i>Chốt:</i> Khi làm tròn các số đến hàng nghìn ta quy ước số làm tròn gần với số tròn nghìn nào hơn thì ta được số đó. Bài 2:Thực hiện yêu cầu sau -GV nêu nhiệm vụ: ->Hãy làm tròn các số vừa nêu đến hàng chục nghìn -GV có thể cho HS lấy thêm VD tương tự(Tiếp tục thực hành làm tròn số đến hàng chục nghìn) =><i>Chốt:</i> Khi làm tròn các số đến hàng chục nghìn ta quy ước số làm tròn gần với số tròn chục nghìn nào hơn thì ta được số đó. Bài 2: Thực hiện yêu cầu sau a, Làm tròn số 1234; 2356 đến hàng trăm b,Làm tròn số 1234; 2356 đến hàng nghìn c,Làm tròn số 31234; 68356 đến hàng	3000 + Làm tròn số 5299 đến hàng nghìn được 5000 + Làm tròn số -HS làm việc nhóm chia sẻ ví dụ: 8420=>..... 9630=>..... -HS lắng nghe -HS làm việc nhóm bàn->HS đại diện lên bảng + nhóm khác nhận xét bổ sung. VD: +Làm tròn số 82000 đến hàng chục nghìn được 80 000 + Làm tròn số -HS làm việc nhóm chia sẻ ví dụ: 8400=>..... 9600=>..... 91 900=>..... 67 420=>..... -HS lắng nghe -HS nêu yêu cầu -HS làm vở -3 HS lên bảng, nhận xét chữa bài.
---	--

chục nghìn =><i>Chốt</i>: Khi làm tròn các số đến hàng trăm, hàng nghìn(hay hàng chục nghìn) ta quy ước số làm tròn gần với số tròn trăm, tròn nghìn (chục nghìn) nào hơn thì ta được số đó. 3. Vận dụng: - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” Mẹ muốn chọn một cuộn dây dài khoảng 1000m Theo em, mẹ nên chọn cuộn dây nào ? - Mời học sinh đọc độ dài có trong mỗi cuộn dây. + Mẹ muốn chọn cuộn dây có độ dài khoảng bao nhiêu mét? + Vậy khi chọn, mẹ nên chọn cuộn dây nào ? Vì sao ? - Nhận xét, tuyên dương. =><i>Chốt</i>: Khi làm tròn các số đến hàng chục(hay hàng trăm) ta quy ước số làm tròn gần với số tròn chục(hay tròn trăm) nào hơn thì ta được số đó. ->Qua bài học, em được củng cố thêm điều gì ? - Nhận xét, dặn dò: Em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến việc làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn	-HS lắng nghe -HS độ dài cuộn dây thứ nhất là 2345m cuộn dây thứ hai là 845m, cuộn dây thứ ba là 48009m -1000m -Cuộn dây 845m.Vì cuộn dây 845m được làm tròn là 1000m -Rèn kĩ năng quy ước làm tròn các số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn. -HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ
--	---

Luyện tập: đọc, viết, so sánh các số đến 100 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100 000 (BT1, 2).
- Vận dụng đọc, viết, so sánh số, sắp xếp số theo thứ tự (BT3)
- Phát triển các năng lực toán học.

2. Năng lực chung.

- HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động -Nêu 1 số bất kì có 3, hoặc 4; 5 chữ số - Nêu cách đọc, viết các số trong phạm vi 100 000 ? - Nêu cách so sánh các số trong phạm vi 100 000? => Chốt: +Đọc, viết các số bắt đầu từ trái- phải (Từ hàng lớn nhất chục nghìn, nghìn,trăm, chục, đơn vị). +So sánh : -Đếm số chữ số -So sánh từng cặp chữ số cùng hàng, từ hàng cao đến hàng thấp(VD: Lần lượt từ hàng chục nghìn-ngàyìn-trăm-chục-đơn vị. Nếu chữ số ở cùng hàng = nhau chuyển sang so sánh hàng liền kề.)	- HS nối tiếp nêu=> HS đọc lại số đó - HS khác nhắc lại -HS lắng nghe
--	---

2. Thực hành Bài 1: Đọc, viết các số sau: a ,Đọc các số sau: 12 263; 2305; 42 110; 78 652; b. Viết các số: - Ba mươi tư nghìn hai trăm mười lăm: - Hai mươi tám nghìn năm trăm ba mươi tư: - Sáu nghìn sáu trăm linh năm: - Mười hai nghìn ba trăm năm mươi mốt: =>Chốt: Đọc, viết các số bắt đầu từ trái-phải(Từ hàng lớn nhất chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị). Bài 2: > < = a. 72 83372921 53 29153921 b. 10362 + 2738427384 + 10362 c. 52345 - 1834926374 + 3648 d. 23781 + 23781 23781 x 2 - Yêu cầu HS đọc đề và làm bài + Ở phần b, em có nhận xét gì về hai vế được so sánh? + Vậy khi thay đổi vị trí các số hạng thì tổng như thế nào? Lấy ví dụ. + Ở phần d, nếu không thực hiện phép tính, em có suy ngay được dấu cần điền không? Vì sao? =>Chốt: Khi so sánh -Đếm số chữ số->số có nhiều chữ số thì lớn hơn. -So sánh từng cặp chữ số cùng hàng, từ	- HS nêu yêu cầu a,HS nêu miệng <i>* HS lấy thêm VD và nêu cách đọc</i> b, 2HS lên bảng làm. - Lớp làm vở - 1 vài HS nêu -HS lắng nghe - HS làm bài cá nhân, 1HS làm bảng lớp. -HS nêu cách so sánh từng trường hợp + Hai vế có các số hạng giống nhau nhưng thay đổi vị trí <i>*....tổng không thay đổi</i> <i>*Có vì khi cộng các số hạng giống nhau, chúng ta có thể thay bằng phép nhân</i> -HS lắng nghe
--	---

hàng cao đến hàng thấp(VD: Lần lượt từ hàng chục nghìn-ngàn-trăm-chục-đơn vị. Nếu chữ số ở cùng hàng = nhau chuyển sang so sánh hàng liền kề.) Bài 3: a. Viết các số sau theo thứ tự tăng dần: 9899; 73 812; 20 788; 27 890; 8467 b. Viết các số sau theo thứ tự giảm dần: 37 194; 68 006; 37 941; 60 008; 3719 - Yêu cầu HS đọc đề và làm bài - Yêu cầu HS đọc các dãy số đã sắp xếp được -> Chốt các bước làm: B1: Nhận xét B2: Tìm quy luật. B3: Điền số còn thiếu theo yêu cầu. 3. Vận dụng: GV tổ chức trò chơi “Truyền điện”.Dự kiến câu hỏi: + Số có 3 chữ số(4, 5 chữ số) gồm những hàng nào? + Hàng nào có giá trị lớn nhất? Bé nhất? + Khi đọc, viết các số trong phạm vi 100 000 ta đọc,viết, so sánh theo thứ tự nào? =>Qua bài học, em được củng cố thêm điều gì ? - GV nhận xét, tuyên dương, khen thưởng	- HS làm bài cá nhân, 1HS làm bảng lớp. Đáp án: a. Các số sau theo thứ tự tăng dần là: 8467; 9899; 20 788; 27 890; 73 812 b. Các số sau theo thứ tự giảm dần là: 68 006; 60 008; 37 914; 37 194; 3791 - Nhận xét - HS đọc -HS lắng nghe - HS tham gia chơi, bạn trả lời sai bị chờ cơ hội tiếp, bạn trả lời đúng được đưa câu hỏi tiếp theo. - Củng cố cách đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100 000. -HS lắng nghe.
--	--

HS tích cực. - Nhận xét, dặn dò: Em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến việc đọc, viết, so sánh số trong phạm vi 100 000.	
--	--